TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGÂN SƠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Huyên.

2. Ông Hoàng Ngọc Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Tấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 6 năm 2002 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988. Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Doanh Ngọc H, sinh năm 1982 - Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 05/11/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Doanh Ngọc H kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 26/12/2009. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ năm 2017, nguyên nhân là do hai người không hợp nhau, trong cuộc sống hôn nhân không tìm được tiếng nói chung nên thường xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm dẫn đến giữa hai người đã ly thân từ ngày 07/02/2020 cho đến nay. Nay chị Nguyễn Thị N thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Doanh Ngọc H.

2. Về nuôi con chung sau khi ly hôn: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Doanh Thị Như Q, sinh ngày 01/02/2010 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường). Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị N có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và giải quyết nợ chung sau khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do đương sự Doanh Ngọc H đi làm ăn tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần tuy nhiên anh Doanh Ngọc H không về để Tòa án tiến hành các thủ tục lấy lời khai, thu thập chứng cứ theo quy đinh, vì vậy Tòa án đã tiến hành thủ tục thu thập chứng cứ, lấy lời khai của anh Doanh Ngọc H thông qua thủ tục ủy thác thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã thực hiện nội dung tống đạt các văn bản do Tòa án gửi, tại buổi lấy lời khai ngày 19/4/2022, đương sự Doanh Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Doanh Ngọc H xác nhận thời điểm kết hôn và việc đăng ký kết hôn như chị Nguyễn Thị N đã trình bày. Quá trình chung sống anh xác định hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Do anh thường xuyên đi làm xa nhà nên tình cảm hai vợ chồng nhạt dần, tính cách không hòa hợp, không cùng quan điểm. Nay chị N có yêu cầu ly hôn anh chưa có ý kiến và sẽ trả lời Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn sau.

- Về vấn đề nuôi con chung: Anh Doanh Ngọc H xác nhận hai vợ chồng có một người con chung là Doanh Thị Như Q, sinh ngày 01/02/2010. Trường hợp hai vợ chồng anh ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho anh được người trực tiếp là người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về vấn đề chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Anh H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hai bên đương sự bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong việc giải quyết dứt điểm và toàn bộ vụ án nên Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 169/CV-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn về việc trả lời xác minh thông tin công dân, thấy:

Chị Nguyễn Thị N và anh Doanh Ngọc H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Hai người đăng ký kết hôn ngày 26/12/2009. Hai người có một người con chung khai sinh ngày 01/02/2010. Quá trình chung sống hai vợ chồng hay xảy ra cãi nhau nhưng không báo chính quyền địa

phương. Quá trình chung sống tại địa phương hai vợ chồng chị N và anh H không có tài sản chung gì, không có vay vốn gì liên quan đến ngân hàng, tổ chức tín dụng nào.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2022, bà Nông Thị N, sinh năm 1961, địa chỉ thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn là mẹ đẻ của anh Doanh Ngọc H xác định hai vợ chồng chị Nga và anh Hưng phát sinh mâu thuẫn bắt đầu từ năm 2020, sau đó thì chị Nga bỏ về ở với bố mẹ đẻ. Quá trình chung sống sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng với gia đình bà, cả hai đều không có tài sản chung hoặc nợ chung gì. Bà cũng không chia tài sản gì cho hai vợ chồng chị Nga, anh H. Về nghề nghiệp thì anh H hay đi làm thuê nhưng làm theo thời vụ, thu nhập không ổn định. Trong hộ gia đình bà ngoài anh H ra hiện tại chỉ có cháu Doanh Thị Như Q là ở cùng.

Tòa án đã tiến hành ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định, tuy nhiên do bị đơn anh Doanh Ngọc H vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 30/6/2022.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử. Về thời hạn chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục gửi, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn anh Doanh Ngọc H thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về việc xin ly hôn với anh Doanh Ngọc H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Doanh Thị Như Q cho chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Anh Doanh Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập đầy đủ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, tiến hành hòa giải và tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhằm đáp ứng cho việc giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và nội dung tranh chấp cần phải giải quyết, Tòa án xác định đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc: "*Tranh về ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn*" được quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

Theo văn bản đề ngày 13/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn thì bị đơn anh Doanh Ngọc H hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn theo trình tự sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Doanh Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị N và anh Doanh Ngọc H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Doanh Ngọc H là hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, nguyên nhân là do anh H thường xuyên làm ăn xa nhà không quan tâm tới gia đình, vợ con dẫn đến tình cảm phai nhạt và không hàn gắn được. Anh H và chị N đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, chị N khẳng định không còn tình cảm cho anh H nữa, xét thấy quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng chị N và anh H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho hai bên đương sự ly hôn.

2.2. Về quan hệ nuôi con chung:

Vợ chồng chị N và anh H có một người con chung là cháu Doanh Thị Như Q, sinh ngày 01/02/2010 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường). Quá trình giải quyết vụ án, cả hai bên đương sự đều có ý kiến là yêu cầu Tòa án giải quyết giao con

chung cho mình được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ngày 05/11/2021, cháu Q đã có bản tự khai gửi tới Tòa án, trình bày là cháu muốn chung sống với cả bố và mẹ, cháu biết là bố mẹ cháu đã không còn hạnh phúc vì thường xuyên cãi chửi nhau, nếu ly hôn nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ vì mẹ cháu chăm sóc cho cháu tốt hơn. Xét điều kiện hoàn cảnh của hai bên đương sự Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn thấy rằng, về nghề nghiệp thì chị N có nghề nghiệp ổn định và thu nhập tốt hơn anh H, ngoài ra cháu Q là nữ, đang vào tuổi dậy thì, vì vậy việc giao cháu Q cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là rất thuận lợi cho sự phát triển về tâm sinh lý bình thường của cháu. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu Doanh Thị Như Q cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế khách quan và hoàn cảnh hiện tại của hai bên đương sự và cũng phù hợp theo nguyện vọng của cháu Doanh Thị Như Q.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

2.4. Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Hai bên đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N đối với bị đơn anh Doanh Ngọc H về việc tranh chấp: *"Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"*.

Tuyên xử: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Doanh Ngọc H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung của hai bên đương sự là cháu Doanh Thị Như Q, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2010 (cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Doanh Thị Như Q đủ 18 tuổi. Anh Doanh Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.1. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Không xem xét do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

3. Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0000265, ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn. Xác nhận nguyên đơn chị Nguyễn Thị N đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

5. Quyền kháng cáo:

5.1. Nguyên đơn Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5.2. Bị đơn Doanh Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- UBND xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Công

HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hoàng Thị Huyên	**Hoàng Ngọc Hùng**	**Nguyễn Thái Công**